

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 24/5/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trần Văn Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-DS ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Châu T, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Thông 2, xã Th, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 468 ấp Bình C, xã Bình P, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Mai Châu T trình bày:

Bà và ông H kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phú, thành phố Bến Tre vào năm 2021. Vợ chồng chung sống được một

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Hiếu H1, sinh ngày 02/6/2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trung H vắng mặt nên không có lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T đối với bị đơn ông H , cụ thể: Về quan hệ hôn nhân, bà T được ly hôn với ông H. Về con chung, bà T được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hiếu H, ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Mai Châu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trung H, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác. Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông H, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Trung H có nơi cư trú tại số 468 ấp Bình C, xã Bình P, thành phố B, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2021, bà T và ông H tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Việc đăng ký kết hôn giữa bà T và ông H là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, bà T trình bày hiện nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T nhưng ông H không có mặt. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo các tài liệu chứng cứ của bà T cho ông H biết nhưng ông H không có mặt cũng như không có ý kiến phản đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Từ các tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là Nguyễn Hiếu H1, sinh ngày 02/6/2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử xét thấy để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao cháu Hiền cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận ý kiến của bà T về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung : Bà T khai bà và ông H không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc*

Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ...". Như vậy, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Châu T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Châu T được ly hôn với ông Nguyễn Trung H

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 02/6/2021 Giao cho bà Mai Châu T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Châu T tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Trung H cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Châu T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Mai Châu T phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002363 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Bà T đã nộp xong).

3. Bà Mai Châu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Bình Phú (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở